

Số: 16 /QĐ-TH&THCSTT

Tân Thành, ngày 18 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 và quyết toán các khoản thu chi học kỳ I năm học 2022-2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 và quyết toán thu, chi các khoản học kỳ I năm học 2022-2023.

Xét đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 và quyết toán thu, chi các khoản học kỳ I năm học 2022-2023 (Có biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán, các cá nhân và bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Niêm yết;
- Lưu: VT, KT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH



Phan Quang Tuấn

THÔNG BÁO
Báo cáo quyết toán kinh phí năm 2022

Dvt: Đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
A	CÁC KHOẢN THU, CHI NGOÀI NGÂN SÁCH VÀ KHOẢN THU HỘ, CHI HỘ		
I	Số thu phí, lệ phí		
1	Học phí (nếu có)		
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
1.2	Mức thu.....	92.000	
1.3	Tổng số thu trong năm	143.152.000	
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	143.152.000	
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ ngân hàng	143.152.000	
1.6	Số chi trong năm	0	
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	0	
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	0	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	0	
	- Chi khác	0	
1.7	Số chi cuối năm	143.152.000	
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)	300.000	
	Phí ...		
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)	-	
2.1	Quản lý học sinh ngoài giờ hành chính		
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
2.1.2	Mức thu: 180.000đ/tháng	180.000	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	112.860.000	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	112.860.000	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ ngân hàng	112.860.000	
2.1.6	Số chi trong năm	110.602.800	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	79.002.000	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	0	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	31.600.800	
	- Chi phúc lợi	0	
	- Chi khác:.....		
2.1.7	Số dư cuối năm	2.257.200	
2.2	Học thêm		
2.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
2.2.2	Mức thu: 576.000đ/tháng	576.000	
2.2.3	Tổng số thu trong năm	431.712.000	
2.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	431.712.000	
2.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ ngân hàng	431.712.000	
2.2.6	Số chi trong năm	415.481.137	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	302.198.400	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	35.639.800	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	64.756.800	

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
	- Chi phúc lợi	12.600.000	
	- Chi khác:.....	286.137	
2.2.7	Số dư cuối năm	16.230.863	
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)	-	
3.1		
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
3.1.2	Tổng số thu trong năm		
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ ngân hàng		
3.1.5	Số chi trong năm		
	Trong đó: -.....		
	-.....		
	-.....		
	-.....		
3.1.6	Số dư cuối năm		
		
4	<i>thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</i>	-	
4.1	Trông giữ xe đạp		
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
4.1.2	Mức thu: 30.000đ/tháng/xe đạp, 50.000đ/tháng/xe đạp điện		
4.1.3	Tổng số thu trong năm	36.420.000	
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	36.420.000	
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ ngân hàng	36.420.000	
4.1.6	Số chi trong năm	25.494.000	
	Trong đó: - Chi cho người trông coi xe	25.494.000	
	- Chi nộp thuế		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:.....		
4.1.7	Số dư cuối năm	10.926.000	
4.2	Chăm sóc bán trú		
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
4.2.2	Mức thu: 130.000đ/tháng	130.000	
4.2.3	Tổng số thu trong năm	48.490.000	
4.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	48.490.000	
4.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ ngân hàng	48.490.000	
4.2.6	Số chi trong năm	47.520.200	
	Trong đó: - Chi cho người trực tiếp trông trưa, chăm ăn	33.943.000	
	- Chi nộp thuế		
	- Chi công tác quản lý	13.577.200	
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:.....		
4.2.7	Số dư cuối năm	969.800	
4.3	2 buổi/ngày		
4.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
4.3.2	Mức thu: 30.000đ/tháng	30.000	
4.3.3	Tổng số thu trong năm	29.070.000	
4.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	29.070.000	



TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
4.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ ngân hàng	29.070.000	
4.3.6	Số chi trong năm	21.678.593	
	Trong đó: - Chi tiền điện, nước	21.678.593	
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:.....		
4.3.7	Số dư cuối năm	7.391.407	
5	yếu tố người nước ngoài, Tin học....(Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực	-	
5.1		
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
5.1.2	Mức thu.....		
5.1.3	Tổng số thu trong năm		
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ ngân hàng		
5.1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy....		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....		
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:.....		
5.1.7	Số dư cuối năm		
		
5.1	Học kỹ năng sống		
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
5.1.2	Mức thu: 48.000đ/tháng	48.000	
5.1.3	Tổng số thu trong năm	52.800.000	
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	52.800.000	
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ ngân hàng	52.800.000	
5.1.6	Số chi trong năm	50.160.000	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	42.240.000	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	2.640.000	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	5.280.000	
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:.....		
5.1.7	Số dư cuối năm	2.640.000	
5.2	Học tiếng anh tự chọn		
5.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
5.2.2	Mức thu: 80.000đ/tháng		
5.2.3	Tổng số thu trong năm	31.600.000	
5.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	31.600.000	
5.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ ngân hàng	31.600.000	
5.2.6	Số chi trong năm	30.020.000	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	25.280.000	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	1.580.000	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	3.160.000	
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:.....		
5.2.7	Số dư cuối năm	1.580.000	
5.3	Học tiếng anh yếu tố nước ngoài		

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
5.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
5.3.2	Mức thu: 160.000đ/tháng	160.000	
5.3.3	Tổng số thu trong năm	169.600.000	
5.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	169.600.000	
5.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ ngân hàng	169.600.000	
5.3.6	Số chi trong năm	169.080.000	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	144.160.000	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	7.960.000	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	16.960.000	
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:.....		
5.3.7	Số dư cuối năm	520.000	
6	phẩm, điện nước - vệ sinh		
6.1	Tiền ăn		
6.1.1	Số học sinh		
6.1.2	Mức thu: 28.000đ/ngày		
6.1.3	Tổng thu	175.056.000	
6.1.4	Đã chi	175.056.000	
6.1.5	Dư	0	
6.2	Trang thiết bị bán trú		
6.2.1	Số học sinh		
6.2.2	Mức thu: 200.000đ/năm khối 1,2; 150.000đ/năm các khối còn lại		
6.2.3	Tổng thu	24.150.000	
6.2.4	Đã chi	24.150.000	
6.2.5	Dư	0	
II	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH		
1	Ngân sách nhà nước		
1.1	Ngân sách chi thường xuyên	2.311.318.831	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	-	
	Dự toán được giao trong năm	2.311.318.831	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	2.588.918.831	
	+ Dự toán bổ sung trong năm	-	
	+ Kinh phí giảm trong năm	277.000.000	
	- Kinh phí thực nhận trong năm	2.311.918.831	
	- Kinh phí quyết toán	2.311.918.831	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:	-	
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở kho bạc		
1.2	Ngân sách chi không thường xuyên	10.000.000	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	-	
	Dự toán được giao trong năm	10.000.000	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	-	
	+ Dự toán bổ sung trong năm	10.000.000	
	+ Kinh phí giảm trong năm	-	
	- Kinh phí thực nhận trong năm	10.000.000	
	- Kinh phí quyết toán	10.000.000	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:	-	

ONG
 NG
 C VÀ
 CƠ SỞ
 NH
 ĐINH

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở kho bạc		
2	Tình hình thực hiện kiên nghị của cơ quan Kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính	-	
	Tổng số kinh phí phải nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí đã nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí còn phải nộp		
III	NỘI DUNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Nếu có: Chi tiết từng nguồn)		
IV	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG		
1	Mức thu nhập của CBQL		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	130.900.000	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	129.150.000	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	127.400.000	
2	Mức thu nhập của giáo viên		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	144.000.000	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	95.400.000	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	46.800.000	
V	MỨC CHI CHO HỌC SINH		
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)		
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)		

Người lập



Đòng Thị Luyến

Tân Thành, ngày 18 tháng 02 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Phan Quang Tuấn

QUYẾT TOÁN THU-CHI NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-TrTH&THCS ngày 18/02/2023 của trường Tiểu học & THCS Tân Thành)

Đvt: đồng

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ	-			
I	Số thu phí, lệ phí	-			
1	Học phí (nếu có)				
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0			
1.2	Mức thu.....	92.000			
1.3	Tổng số thu trong năm	143.152.000			
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	143.152.000			
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ ngân hàng	143.152.000			
1.6	Số chi trong năm	0			
	Trong đó: - Bỗ sung chi lương	0			
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	0			
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	0			
	- Chi khác	0			
1.7	Số dư cuối năm	143.152.000			
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)	300.000			
	Phí ...				
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)	-			
2.1	Quản lý học sinh ngoài giờ hành chính				
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0			
2.1.2	Mức thu: 180.000đ/tháng	180.000			
2.1.3	Tổng số thu trong năm	112.860.000			
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	112.860.000			
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ ngân hàng	112.860.000			
2.1.6	Số chi trong năm	110.602.800			
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	79.002.000			

	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	0		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	31.600.800		
	- Chi phúc lợi	0		
	- Chi khác:.....			
2.1.7	Số dư cuối năm	2.257.200		
2.2	Học thêm			
2.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0		
2.2.2	Mức thu: 576.000đ/tháng	576.000		
2.2.3	Tổng số thu trong năm	431.712.000		
2.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	431.712.000		
2.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ ngân hàng	431.712.000		
2.2.6	Số chi trong năm	415.481.137		
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	302.198.400		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	35.639.800		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	64.756.800		
	- Chi phúc lợi	12.600.000		
	- Chi khác:.....	286.137		
2.2.7	Số dư cuối năm	16.230.863		
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)	-		
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú.....(Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	-		
4.1	Trông giữ xe đạp			
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0		
4.1.2	Mức thu: 30.000đ/tháng/xe đạp, 50.000đ/tháng/xe đạp điện			
4.1.3	Tổng số thu trong năm	36.420.000		
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	36.420.000		
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ ngân hàng	36.420.000		
4.1.6	Số chi trong năm	25.494.000		
	Trong đó: - Chi cho người trông coi xe	25.494.000		
	- Chi nộp thuế			
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất			
	- Chi khác:.....			
4.1.7	Số dư cuối năm	10.926.000		
4.2	Chăm sóc bán trú			
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0		
4.2.2	Mức thu: 130.000đ/tháng	130.000		

4.2.3	Tổng số thu trong năm	48.490.000			
4.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	48.490.000			
4.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ ngân hàng	48.490.000			
4.2.6	Số chi trong năm	47.520.200			
	Trong đó: - Chi cho người trực tiếp trông trưa, chăm ăn	33.943.000			
	- Chi nộp thuế				
	- Chi công tác quản lý	13.577.200			
	- Chi khác:.....				
4.2.7	Số dư cuối năm	969.800			
4.3	2 buổi/ngày				
4.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	0			
4.3.2	Mức thu: 30.000đ/tháng	30.000			
4.3.3	Tổng số thu trong năm	29.070.000			
4.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	29.070.000			
4.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ ngân hàng	29.070.000			
4.3.6	Số chi trong năm	21.678.593			
	Trong đó: - Chi tiền điện, nước	21.678.593			
	- Chi khác:.....				
4.3.7	Số dư cuối năm	7.391.407			
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học....(Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	-			
5.1	Học kỹ năng sống				
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0			
5.1.2	Mức thu: 48.000đ/tháng	48.000			
5.1.3	Tổng số thu trong năm	52.800.000			
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	52.800.000			
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ ngân hàng	52.800.000			
5.1.6	Số chi trong năm	50.160.000			
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	42.240.000			
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	2.640.000			
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	5.280.000			
	- Chi phúc lợi				
	- Chi khác:.....				
5.1.7	Số dư cuối năm	2.640.000			
5.2	Học tiếng anh tự chọn				
5.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0			



5.2.2	Mức thu: 80.000đ/tháng				
5.2.3	Tổng số thu trong năm	31.600.000			
5.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	31.600.000			
5.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ ngân hàng	31.600.000			
5.2.6	Số chi trong năm	30.020.000			
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	25.280.000			
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	1.580.000			
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	3.160.000			
	- Chi phúc lợi				
	- Chi khác:.....				
5.2.7	Số dư cuối năm	1.580.000			
5.3	Học tiếng anh yếu tố nước ngoài				
5.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	0			
5.3.2	Mức thu: 160.000đ/tháng	160.000			
5.3.3	Tổng số thu trong năm	169.600.000			
5.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	169.600.000			
5.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ ngân hàng	169.600.000			
5.3.6	Số chi trong năm	169.080.000			
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	144.160.000			
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	7.960.000			
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	16.960.000			
	- Chi phúc lợi				
	- Chi khác:.....				
5.3.7	Số dư cuối năm	520.000			
6	Thu hộ, chi hộ, các khoản khác: Tiền ăn, gas, trang thiết bị bán trú, học phẩm, điện nước - vệ sinh				
6.1	Tiền ăn				
6.1.1	Số học sinh				
6.1.2	Mức thu: 28.000đ/ngày				
6.1.3	Tổng thu	175.056.000			
6.1.4	Đã chi	175.056.000			
6.1.5	Dư	0			
6.2	Trang thiết bị bán trú				
6.2.1	Số học sinh				
6.2.2	Mức thu: 200.000đ/năm khối 1,2; 150.000đ/năm các khối còn lại				
6.2.3	Tổng thu	24.150.000			
6.2.4	Đã chi	24.150.000			
6.2.5	Dư	0			
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				

III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước		-		
1	Học phí				
2	Học nghề				
3	Học Tiếng anh				
4	Học kỹ năng sống				
5	Trông giữ xe đạp				
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.311.318.831			
	Chi thanh toán cá nhân	2.135.994.500			
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	53.509.308			
	Chi mua sắm sửa chữa	2.970.000			
	Chi khác	118.845.023			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10.000.000			
	Chi thanh toán cá nhân	-			
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác	10.000.000			
II	Nguồn viện trợ		-		
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		-		
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài		-		
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		-		
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				

Tân Thành, ngày 18 tháng 02 năm 2023

NGƯỜI LẬP



Đồng Thị Luyện

Thủ trưởng đơn vị



Phan Quang Tuấn

BIÊN BẢN

Niêm yết công khai quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 và quyết toán các khoản thu chi học kỳ I năm học 2022-2023

I. Thời gian: Hôm nay vào hồi 16h30, ngày 18 tháng 02 năm 2023, tại văn phòng trường Tiểu học & THCS Tân Thành nhà trường tiến hành lập biên bản về việc công bố công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 và quyết toán thu, chi các khoản học kỳ I năm học 2022-2023.

* Toàn thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên trường Tiểu học & THCS Tân Thành: có mặt 42/43 đ/c (Vắng 01 đ/c Giang - Nghỉ chế độ thai sản).

1. Chủ tọa: Ông Phan Quang Tuấn - Phó Hiệu trưởng phụ trách
2. Thư ký: Bà Hoàng Thị Nga - Giáo viên, thư ký hội đồng nhà trường

III. Nội dung:

1. Ông: Phan Quang Tuấn - Phó Hiệu trưởng phụ trách trường Tiểu học & THCS Tân Thành thông qua văn bản công khai theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC;

2. Thông báo các nội dung công khai.

- Công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 và quyết toán thu, chi các khoản học kỳ I năm học 2022-2023 của trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tân thành.

3. Hình thức công khai.

- Thông báo trước hội đồng sư phạm.
- Niêm yết tại văn phòng.
- Niêm yết trên trang Web trường TH&THCS Tân Thành:
<https://thcstanthanh.haiphong.edu.vn>

4. Địa điểm, thời gian niêm yết.

- Niêm yết tại văn phòng trường Tiểu học & THCS Tân Thành.
- Niêm yết trên trang Web trường TH&THCS Tân Thành:
<https://thcstanthanh.haiphong.edu.vn>



- Thời gian niêm yết từ ngày 18/02/2023 đến ngày 18/03/2023
- Thực hiện niêm yết công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 và quyết toán thu, chi các khoản học kỳ I năm học 2022-2023.
- Việc niêm yết này được thực hiện liên tục trong thời gian 30 ngày liên tục theo từng thời gian được quy định, kết thúc niêm yết sẽ lập thành biên bản hoàn thành việc niêm yết.

5. Yêu cầu: Mọi cán bộ, giáo viên, công nhân viên xem bảng niêm yết các nội dung công khai nếu có điều gì thắc mắc sẽ phản ánh về Ban thanh tra nhân dân hoặc Chủ tài khoản trường Tiểu học & THCS Tân Thành.

Biên bản thông qua trước Hội đồng sự phạm hồi 17h00 cùng ngày và được các thành viên nhất trí 100%.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN



Hoàng Thị Ngà

PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH



Phan Quang Tuấn

